

Số: 772/2026/QĐST-HNGĐ

Đ, ngày 25 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 758/2026/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 về việc “Ly hôn” giữa:

- Nguyên đơn: Ông Vũ Đức H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Số M3/37, khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (nay là phường T, thành phố Đ).

- Bị đơn: Bà Trần Thị Tú T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Số 58/81, tổ 12, khu phố 3, phường T, Thành phố Đ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Vũ Đức H và bà Trần Thị Tú T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Vũ Đức H và bà Trần Thị Tú T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNGĐ-ST: Ông H tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, hoàn trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) cho ông H đã nộp tại Biên lai thu

tạm ứng án phí số 0006126 ngày 19/3/2026 của Thi hành án dân sự TP. Đ / Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1-Đ (đã nộp xong).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1-Đ (1);
- THADS TP. Đ/Phòng THADS khu vực 1-Đ (1);
- Đường sự (2);
- UBND phường T, TP. Đ; (UBND P. T cũ) (1)
- Lưu hồ sơ vụ án(3)

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Thu Minh